

Bản án số: 800/2022/DS-PT
Ngày 13 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2085/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Thanh Tr, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: tổ 7, ấp H, xã P, huyện P1, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Hữu Ngh, sinh năm 1983 và chị Đặng Quỳnh Nh, sinh năm 1983. (anh Nghĩa có mặt, chị Nhi vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Tr, xã T, huyện P1, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền lập ngày 03/11/2020 và văn bản ủy quyền lập ngày 15/6/2020).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q (tự Lê Văn Q1, Lê Văn L), sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: tổ 13, ấp P2, xã P3, huyện P1, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thanh Tr. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị Kim Ch, sinh năm

1982.

Địa chỉ cư trú: S 1, S R, N 33, B, Z City, H Country, Đài Loan.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn Quốc K, sinh năm 1984. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 13, ấp P2, xã P3, huyện P1, tỉnh An Giang (theo văn ban ủy quyền ngày 14/4/2021).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn Q (Lê Văn Q1, Lê Văn L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Võ Thanh Tr trình bày:

Ngày 15/3/2014, ông Lê Văn Q là cha của chị Lê Thị Kim Ch có mượn của anh Tr số tiền 300.000.000 đồng, có lập biên nhận. Nay anh Tr yêu cầu ông Q trả cho anh Tr số tiền 300.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn Q1 trình bày:

Khoảng năm 2013-2014, anh Tr và chị Ch (chị Ch định cư tại Đài Loan) tìm hiểu và yêu nhau nên anh Tr và gia đình chị Ch rất thân thích. Do ông Q cần vốn làm ăn nhưng chị Ch chưa kịp gửi tiền về cho ông Q nên chị Ch có nói với ông Q đến gặp anh Tr mượn 300.000.000 đồng. Ngày 15/3/2014, ông Q nhận 300.000.000 đồng của anh Tr, ông Q có viết biên nhận nhận tiền. Sau đó, chị Ch có chuyển tiền từ Đài Loan về Việt Nam trả cho anh Tr thay ông Q; chị Ch chuyển 02 lần (ngày 25/12/2014 và ngày 06/7/2015) là 20.040USD tương đương 400.000.000VNĐ; việc chị Ch chuyển trả cho anh Tr dư 100.000.000 đồng là để anh Tr chi tiêu, vì thời điểm chuyển tiền thì anh Tr và chị Ch là vợ chồng; nay anh Tr và chị Ch đã ly hôn (tháng 5/2020). Do chị Ch đã gửi trả tiền cho anh Tr nên ông Q không còn nợ tiền của anh Tr.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/01/2022, ông Q trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 15/3/2014 có nhận 300.000.000 đồng của anh Tr, có viết biên nhận nhận tiền nhưng ông không thừa nhận mượn 300.000.000 đồng của anh Tr, vì ông nhận 300.000.000 đồng của anh Tr là do chị Ch yêu cầu ông đến gặp anh Tr nhận. Sau đó, chị Ch có trả tiền cho anh Tr thế nào thì ông không biết. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Tr, vì ông không vay mượn 300.000.000 đồng của anh Tr.

Chị Lê Thị Kim Ch có anh Lê Văn Quốc K đại diện trình bày:

Khoảng năm 2013, chị Ch và anh Tr tìm hiểu và yêu nhau; khoảng tháng 3/2014, chị Ch chưa kịp gửi tiền về Việt Nam cho ông Q nên chị Ch có nhờ anh Tr cho ông Q mượn tạm 300.000.000 đồng, khi ông Q nhận 300.000.000 đồng của anh Tr thì ông Q có viết biên nhận ghi tên là Lê Văn L (là tên thường gọi của ông Q). Sau đó, chị Ch có gửi tiền về Việt Nam 02 lần (ngày 25/02/2014 và ngày 06/7/2015) trả cho anh Tr 20.000USD, tương đương 400.000.000 đồng;

việc chị Ch chuyển trả cho anh Tr dư 100.000.000 đồng là để anh Tr chi tiêu, vì khi đó anh Tr và chị Ch là vợ chồng (tổ chức lễ cưới tháng 4/2015) nhưng đến tháng 5/2020, chị Ch và anh Tr ly hôn. Nay chị Ch không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Tr, vì chị Ch đã trả xong nên ông Q không còn nợ anh Tr 300.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 302 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Thanh Tr.

Buộc ông Lê Văn Q có trách nhiệm trả cho anh Võ Thanh Tr số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/5/2022, bị đơn ông Lê Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn Q làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Võ Thanh Tr khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Q trả cho anh Tr 300.000.000 đồng ông Q đã mượn theo biên nhận tiền ngày 15/3/2014. Ông Lê Văn Q thừa nhận có nhận số tiền 300.000.000 đồng và viết biên nhận tiền ngày 15/3/2014; tuy nhiên ông Q không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Tr với lý do chị Lê Thị Kim Ch (con gái ông Q, trước đây là vợ anh Tr) đã trả lại cho anh Tr toàn bộ số tiền trên.

[2.2] Xét thấy, ông Q thừa nhận việc mượn anh Tr số tiền 300.000.000 đồng nên ông Q phải có nghĩa vụ trả tiền cho anh Tr theo quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 281, Điều 388 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ông Q cho rằng số tiền trên đã được chị Ch trả cho anh Tr thay ông vào ngày 25/12/2014 và ngày 06/7/2015; đồng thời cung cấp giấy chuyển tiền từ Đài Loan về Việt Nam để chứng minh. Tuy nhiên, nội dung này không được phía anh Tr thừa nhận; các giấy chuyển tiền không thể hiện nội dung chuyển trả tiền nợ cho ông Lê Văn Q theo giấy biên nhận ngày 15/3/2014; đồng thời số tiền chị Ch chuyển 02 lần cũng không khớp với số tiền ông Q đã mượn của anh Tr. Do đó, lời trình bày của ông Q là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trường về việc buộc ông Q phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Anh Tr có lời khai thừa nhận đã nhận của chị Ch 20.000USD theo 02 phiếu chuyển tiền ngày 25/12/2014 và ngày 06/7/2015 nhưng cho rằng sau đó đã chuyển trả lại cho chị Ch để mua đất. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng giao dịch giữa anh Tr và chị Ch liên quan đến số tiền 20.000USD không liên quan đến vụ án này; trường hợp anh Tr, chị Ch có tranh chấp thì khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác là có cơ sở.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Lê Văn Q không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Thanh Tr.

Buộc ông Lê Văn Q có trách nhiệm trả cho anh Võ Thanh Tr số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

2/. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000119 ngày 10/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; đương sự đã thực hiện xong.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Thúy

Phan Văn Yên

Hoàng Thanh Dũng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- ĐS (3);
- Lưu VP(3), HS(2). 13b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng